

PHIẾU ÔN TẬP TOÁN - SỐ HỌC VÀ PHÉP TÍNH

Họ và tên:

Lớp:

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 Điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số liền sau của số 39 là:

- A. 38 B. 40 C. 30 D. 49

Câu 2: Trên tia số, các số được sắp xếp theo thứ tự nào?

- A. Từ lớn đến bé B. Lộn xộn C. Từ bé đến lớn D. Từ phải sang trái

Câu 3: Trong phép tính $45 + 27 = 72$, số 72 được gọi là gì?

- A. Số hạng B. Số trừ C. Hiệu D. Tổng

Câu 4: Kết quả của phép tính $15 - 8$ là:

- A. 7 B. 8 C. 6 D. 9

Câu 5: Muốn tìm số liền trước của một số, ta làm thế nào?

- A. Cộng thêm 1 đơn vị B. Trừ đi 1 đơn vị C. Cộng thêm 10 D. Giữ nguyên



PHẦN 2: TỰ LUẬN (7 Điểm)

Bài 1. Tính nhẩm:

$9 + 8 = \dots\dots\dots$

$11 - 4 = \dots\dots\dots$

$8 + 7 = \dots\dots\dots$

$13 - 6 = \dots\dots\dots$

$6 + 9 = \dots\dots\dots$

$17 - 8 = \dots\dots\dots$

$7 + 5 = \dots\dots\dots$

$12 - 5 = \dots\dots\dots$

$9 + 9 = \dots\dots\dots$

$16 - 7 = \dots\dots\dots$

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

a) $36 + 45$

b) $72 - 28$

c) $49 + 13$

d) $81 - 54$

e) $55 + 37$

$\begin{array}{r} 36 \\ + 45 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 72 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 49 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 81 \\ - 54 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 55 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$
---	---	---	---	---

f) $90 - 63$

g) $28 + 62$

h) $65 - 19$

i) $47 + 47$

j) $100 - 35$

$\begin{array}{r} 90 \\ - 63 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 28 \\ + 62 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 65 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 47 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 100 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$
---	---	---	---	--

Bài 3. Tính:

a) $15 + 6 - 4 = \dots\dots\dots$

b) $42 - 12 + 8 = \dots\dots\dots$

c) $50 + 20 - 10 = \dots\dots\dots$

d) $88 - 8 - 20 = \dots\dots\dots$

e) $31 + 9 - 15 = \dots\dots\dots$

f) $67 - 27 + 5 = \dots\dots\dots$

g) $25 + 15 - 30 = \dots\dots\dots$

h) $95 - 40 + 3 = \dots\dots\dots$

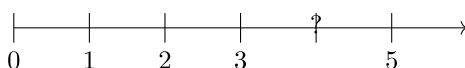
i) $12 + 18 - 20 = \dots\dots\dots$

j) $73 - 13 + 9 = \dots\dots\dots$



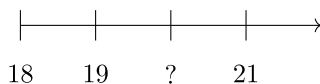
Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Trên tia số dưới đây, số thích hợp điền vào vạch chỉ dấu hỏi chấm là:



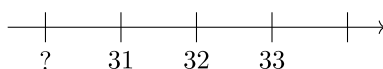
Số cần điền là:

b) Tìm số còn thiếu trên tia số:



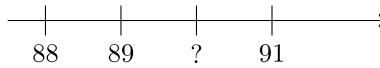
Số cần điền là:

c) Điền số vào dấu hỏi chấm:



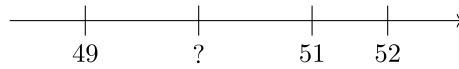
Số cần điền là:

d) Số nào nằm ở vị trí dấu hỏi chấm?



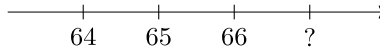
Số cần điền là:

e) Tìm số thích hợp cho tia số sau:



Số cần điền là:

f) Điền số đúng vào chỗ trống:

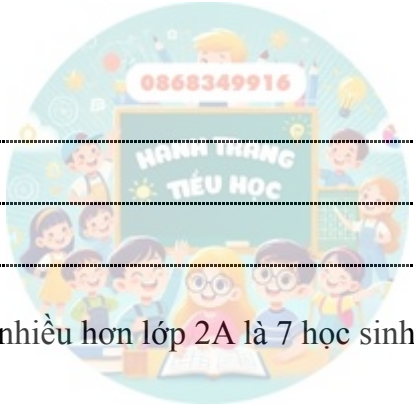


Số cần điền là:

Bài 5. Giải bài toán:

a) Mẹ mua 15 kg gạo nếp và 28 kg gạo tẻ. Hỏi mẹ mua tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải



b) Lớp 2A có 35 học sinh, lớp 2B có nhiều hơn lớp 2A là 7 học sinh. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

c) Một cửa hàng buổi sáng bán được 80 lít dầu, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 25 lít. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

d) Thùng thứ nhất chứa 48 quả cam, thùng thứ hai chứa 36 quả cam. Hỏi cả hai thùng chứa tất cả bao nhiêu quả cam?

Bài giải

e) Sợi dây thứ nhất dài 92 cm, sợi dây thứ hai ngắn hơn sợi dây thứ nhất 18 cm. Hỏi sợi dây thứ hai dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

f) Anh có 26 viên bi, em có 19 viên bi. Hỏi cả hai anh em có tất cả bao nhiêu viên bi?

Bài giải

